

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện kiểm sát viên nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Hồng Văn L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2019, các văn bản kèm theo nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, bà và ông Hồng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2004. Trong quá trình chung sống, bà và ông Hồng Văn L xảy ra mâu thuẫn, do ông Hồng Văn L thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập bà, do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Hồng Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có hai người con chung là Hồng Thảo Ng (giới tính nữ), sinh ngày 17/7/2001 và Hồng Quốc H (giới tính nam), sinh ngày 19/01/2012. Đối với Hồng Thảo Ng nay đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét, nay bà yêu cầu giao Hồng Quốc H cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu ngày 25 tháng 11 năm 2019, bà Võ Thị T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà, do bà bận công việc nên không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ông Hồng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng vụ án, nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị T ly hôn ông Hồng Văn L; Về con chung, giao Hồng Quốc H (giới tính nam), sinh ngày 19/01/2012 cho bà Võ Thị T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị T yêu cầu ly hôn ông Hồng Văn L và yêu cầu nuôi con là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị T có đơn yêu cầu vắng mặt, không tham gia phiên tòa, ông Hồng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Võ Thị T và ông

Hồng Văn L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2000, bà Võ Thị T và ông Hồng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông L là hợp pháp. Bà T và ông L đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn, không thể đoàn tụ, bà T cho rằng ông L có hành vi bạo lực đánh đập bà. Bà T xác định cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, không muốn tiếp tục chung sống, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông L và nay cương quyết ly hôn. Ông L không có ý kiến phản bác hay phản tố yêu cầu ly hôn của bà T. Tại biên bản xác minh nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn của đương sự ngày 15/10/2019, Ban nhân dân ấp C, xã K xác định bà Võ Thị T và ông Hồng Văn L thường hay cự cãi, ông L thường hay ghen tuông đối với bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể hòa giải đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nay xét chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T ly hôn ông L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đối với Hồng Thảo Ng đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi Hồng Quốc H, đồng thời Hồng Quốc H cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, ông L không có yêu cầu, cũng không phản đối. Do đó, xét giao Hồng Quốc H cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Võ Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Hồng Văn L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị T ly hôn ông Hồng Văn L.

2. Về con chung: Giao Hồng Quốc H (giới tính nam), sinh ngày 19/01/2012 cho bà Võ Thị T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận tự nguyện của bà Võ Thị T về việc không yêu cầu ông Hồng Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng, bà Võ Thị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019197 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay đổi trừ và chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đồi